

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 04/10/2023)

Đơn vị tính: đồng

	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2023	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	7,006,123,000	1,762,740,809	25%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	376,000,000	204,182,537	54%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	948,000,000	293,158,272	31%
3	Thu bổ sung	4,932,123,000	1,265,400,000	26%
	- Bổ sung cân đối	4,932,123,000	1,265,400,000	26%
	- Bổ sung có mục tiêu	-		
	- Thu dự phòng			
4	Thu chuyển nguồn		-	
5	Các khoản thu từ tiền đất	750,000,000		0%
II	TỔNG SỐ CHI	7,006,132,000	1,804,516,000	26%
1	Chi đầu tư phát triển	750,000,000		0%
2	Chi thường xuyên	6,166,532,000	1,804,516,000	29%
3	Chi dự phòng	89,600,000		0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 04/10/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN THU NSX NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2023	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG THU	7,006,123,000	1,762,740,809	25%
I	Các khoản thu 100%	376,000,000	204,182,537	54%
	Thu phí, lệ phí	25,000,000	6,083,000	24%
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	285,000,000	164,678,000	58%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	25,836,000	
	Thu khác	66,000,000	7,585,537	11%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1,698,000,000	293,158,272	17%
1	Các khoản thu phân chia	192,000,000	69,219,000	
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	107,000,000	67,676,500	63%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	45,000,000	1,200,000	3%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	40,000,000	342,500	1%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1,506,000,000	223,939,272	15%
	- Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ KD	276,000,000	82,517,705	30%
	- Thuế GTGT	480,000,000	141,421,567	29%
	- Thu tiền sử dụng đất	750,000,000		0%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-		
IV	Thu chuyển nguồn			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-		
VI	Nguồn CCTL dùng để cân đối chi tăng lương			
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,932,123,000	1,265,400,000	26%
	- Thu bổ sung cân đối	4,932,123,000	1,265,400,000	26%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-		
	- Thu dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 04/10/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2023			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG	ĐẦU TƯ PT	TX
A	B	1=2+3	2	3	3=4+5	4	5	6=3/1	7=4/2	8=5/3
	TỔNG CHI	7,006,132,000	750,000,000	6,256,132,000	1,804,516,000		1,804,516,000	26%		29%
	Trong đó				-					
1	Chi giáo dục	750,000,000	750,000,000		-					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	40,000,000		40,000,000	24,100,000		24,100,000	60%		60%
5	Chi phát thanh, truyền thanh	35,000,000		35,000,000	-			0%		0%
6	Chi thể dục thể thao	-			-					
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	85,000,000		85,000,000	-		-			0%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5,476,507,000		5,476,507,000	1,653,939,000		1,653,939,000	30%		30%
10	Chi hoạt động của các đoàn thể	-			-					
11	Chi cho công tác xã hội	492,560,000		492,560,000	125,361,000		125,361,000	25%		25%
12	Chi khác	37,465,000		37,465,000	1,116,000		1,116,000	3%		3%
13	Chi trả nợ đầu tư phát triển khác	-			-					
14	Dự phòng ngân sách	89,600,000		89,600,000	-			0%		0%